

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHƠN THÀNH  
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Số: 71/2021/HSST

Ngày: 10/9/2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Nguyễn Đình Loan

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Đức Hoài

2. Ông Phạm Xuân Đính

***-Thư ký phiên toà:*** Bà Vũ Thị Vi – Thư ký Toà án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

***-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước tham gia phiên toà:*** Ông Bồ Đức Trọng – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2021 tại Toà án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 63/2021/HSST ngày 24 tháng 6 năm 2021, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2021/HSST-QĐ ngày 30/8/2021 đối với các bị cáo:

**1. TRẦN THỊ CÀ A**, sinh năm 1981 tại An Giang; tên gọi khác: Không; HKTT: Ấp P, xã T, huyện Th, tỉnh An Giang; chỗ ở: Đường N1D13, khu phố A, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 02/12; dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; con ông Trần Văn M (chết) và bà Trần Thị T, chồng Tạ Văn P và có 01 con chung sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Bị cáo chưa bị xử lý hành chính hoặc kết án về hành vi vi phạm pháp luật; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/4/2021 đến ngày 18/6/2021 được tại ngoại.

**2. TẠ VĂN P**, sinh năm 1982 tại Kiên Giang, tên gọi khác: Không; HKTT: Ấp Đ, xã V, huyện Vĩnh T, tỉnh Kiên Giang; chỗ ở: Đường N1D13, khu phố A, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 06/12; dân tộc: kinh; Tôn giáo: không; con ông Tạ Văn N (chết) và bà Trương Thị S (chết), vợ Trần Thị Cà A và có 01 người con sinh năm 2017; tiền án; tiền sự: không; nhân thân: Bị cáo chưa bị xử lý hành chính hoặc kết án về hành vi vi phạm pháp luật; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/4/2021 đến nay.

**3. HUỖNH CHÍ NG**, sinh năm 1982 tại Bạc Liêu, tên gọi khác: Không; HKTT: Ấp P, xã Đ, huyện Đông H, tỉnh Bạc Liêu; chỗ ở: Đường D2, khu phố B, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: kinh; Tôn giáo: kHg; con ông Huỳnh Văn Q và bà Huỳnh Thị T, vợ Phạm Thị H và có 03

người con, lớn nhất 2010, nhỏ nhất sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Bị cáo chưa lần nào bị xử lý hành chính hoặc xét xử về hành vi vi phạm pháp luật; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/4/2021 đến nay.

**4. TRẦN MINH TR,** sinh năm 1997 tại Trà Vinh, tên gọi khác: Không; HKTT: Ấp S, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh; chỗ ở: khu phố B, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: kinh; Tôn giáo: KHg; con ông Trần Văn C và bà Nguyễn Thị T; vợ, con: Không có; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: bị cáo chưa lần nào bị xử lý hành chính hoặc xét xử về hành vi vi phạm pháp luật; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/4/2021 đến nay.

**5. CHÂU QUỐC Q,** sinh năm 2000 tại Cà Mau, tên gọi khác: Không; HKTT: Ấp T, xã Tân T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau; chỗ ở: Khu phố A, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: kinh; Tôn giáo: KHg; con ông Châu Hồng D và bà Nguyễn Thị G, vợ con chưa có; tiền án; tiền sự: không; nhân thân: bị cáo chưa lần nào bị xử lý hành chính hoặc xét xử về hành vi vi phạm pháp luật; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/4/2021 đến nay.

**6. LÊ VĂN N,** sinh năm 2000 tại Thanh Hóa, tên gọi khác: Không; HKTT: TH C, xã L, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; chỗ ở: Đường NB7, Phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Thái; Tôn giáo: KHg; con ông Lê Xuân D và bà Hà Thị M, vợ, con: chưa có; tiền án; tiền sự: không; nhân thân: bị cáo chưa lần nào bị xử lý hành chính hoặc xét xử về hành vi vi phạm pháp luật; bị bắt tạm giữ từ ngày 14/4/2021 đến nay.

**7. TRẦN BẢNG K,** sinh năm 2000 tại Cà Mau, tên gọi khác: Không; HKTT: Ấp R, xã Khánh B, huyện T, tỉnh Cà Mau; chỗ ở: Khu phố 3, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; Tôn giáo: KHg; con ông Trần Văn D và bà Cao Kim H, vợ, con: chưa có; tiền án; tiền sự: không; nhân thân: bị cáo chưa lần nào bị xử lý hành chính hoặc xét xử về hành vi vi phạm pháp luật; bị bắt tạm giữ từ ngày 21/5/2021 cho đến nay.

Tất cả các bị cáo có mặt tại phiên tòa

**Bị hại:** Bùi Thị L, sinh năm 1983; địa chỉ: TH G, xã G, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

**Người làm chứng:**

1. Huỳnh Chí H, sinh năm 1981; HKTT: Ấp P, xã Đ, huyện Đông H, tỉnh Bạc Liêu; chỗ ở: Khu phố 4, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương.

2. Trần Nhớ H, sinh năm 2001; HKTT: Ấp S, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh; chỗ ở: Khu phố 4, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương.

3. Nguyễn Khánh H, sinh năm 1995; địa chỉ cư trú: Khu phố Đ, thị trấn L, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

4. Nguyễn Thái K, sinh năm 1981; địa chỉ: 444-đường 2/9, khu phố 2, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương.

5. Nguyễn Đức H, sinh năm 1966; địa chỉ: Tổ 8, khu phố 6, phường Đ, thành phố T, tỉnh Bình Dương

6. Lò Xuân T, sinh năm 1990; địa chỉ: TH C, xã L, huyện T, tỉnh Thanh Hóa

7. Nguyễn Văn Nh, sinh năm 1998; HKTT: Ấp L, xã Long S, huyện C, tỉnh Trà Vinh; chỗ ở: phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương.

8. Nguyễn Đình Kh, sinh năm 1977; địa chỉ: TH G, xã G, huyện L, tỉnh Lâm Đồng

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Vào khoảng năm 2013, Trần Thị Cà A, Huỳnh Chí Ng và chị Bùi Thị L ở cùng khu nhà trọ thuộc phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương. Trong thời gian ở đây, A, Ng và chị L cùng nhau chơi hụi với nhiều người khác, chủ yếu là công nhân làm việc tại Khu công nghiệp Mỹ Phước và chị L thiếu nợ A số tiền 714.904.000 đồng tiền hụi và 40.000.000 đồng tiền mặt; thiếu nợ Ng số tiền hụi là 29.000.000 đồng. Đến tháng 8 năm 2020, do kHg đủ khả năng trả các khoản nợ nên chị L cùng chồng là anh Nguyễn Đình Kh, rời khỏi nhà trọ, chuyển đến tH G, xã G, huyện L, tỉnh Lâm Đồng làm thuê, sinh sống để có điều kiện trả các khoản nợ nói trên.

Thời gian sinh sống tại xã G, huyện L, chị L và anh Kh liên lạc với Ng qua điện thoại, nhờ Ng giới thiệu bán giúp thửa đất số 375, diện tích 250,7 m<sup>2</sup>, địa chỉ: Ấp 2, xã Minh Long, huyện Chơn Thành do anh Kh đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, để có tiền trả nợ. Ng nói việc chị L đang tìm người để sang nhượng thửa đất tại xã Minh Long, huyện Chơn Thành cho A biết. A biết anh Nguyễn Đức H có nhu cầu mua đất nên A giới thiệu anh H cho Ng, để Ng giới thiệu mua thửa đất của chị L. THg qua việc này, A nói với anh H khi nào giao tiền mua đất cho chị L thì báo cho A biết, để A đến gặp chị L, yêu cầu chị L trả tiền nợ thì anh H đồng ý. Sau thời gian tự thỏa thuận, chị L đồng ý sang nhượng quyền sử dụng thửa đất nói trên cho anh H, với giá 1.100.000.000 đồng. Đồng thời hẹn ngày 14 tháng 4 năm 2021, các bên cùng đến thị trấn Chơn Thành, huyện Chơn Thành để công chứng Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (QSDĐ) và giao nhận tiền.

Ngày 13 tháng 3 năm 2021, anh H gọi điện thoại nói cho A và chồng của A là Tạ Văn P biết việc, ngày 14 tháng 4 năm 2021, anh H và chị L sẽ làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất nói trên, với giá 1.100.000.000 đồng tại Văn phòng công chứng huyện Chơn Thành. Biết được tHg tin này, A bàn bạc với Ng và cùng thống nhất, ngày 14 tháng 4 năm 2021 đến huyện Chơn Thành, chờ anh H giao tiền chuyển nhượng đất cho chị L thì A và Ng sẽ gặp chị L để cùng tính toán lại các khoản tiền nợ và yêu cầu chị L trả tiền. A nói Ng rủ thêm người đi cùng, mục đích trong lúc gặp chị L nếu xảy ra xô xát thì có người để hỗ trợ A và Ng can ngăn, giải quyết. Sau đó, Nguyễn rủ anh ruột là Huỳnh Chí H và bạn là Lò Xuân T và nhờ T rủ thêm người đi cùng, gồm: Trần Minh Tr, Châu Quốc Q, Lê Văn N, Trần Bằng K, Trần Nhớ H và Nguyễn Văn Nh. P thuê xe ô tô con, loại Fortuner, biển số 61A – 845.89 của anh Nguyễn Khánh H1; Ng thuê xe ô tô con, loại Inova, biển số 61A – 887.66 của anh Nguyễn Thế K1 để chở tất cả những người nói trên đến huyện Chơn Thành.

Khoảng 07 giờ ngày 14 tháng 4 năm 2021, Nguyễn Khánh H1 điều khiển xe ô tô Fortuner, Nguyễn Thế K1 điều khiển xe ô tô Inova đến phòng trọ của Ng tại địa chỉ: Khu phố 4, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương. Tại đây, xe của anh H1 chở A, P, T, H, N1 và N; xe của anh K1 chở Ng, Tr, H, Q và K, rồi tất cả cùng đến thị trấn Chơn Thành, huyện Chơn Thành chờ thời điểm anh H và chị L hoàn tất thủ tục chứng thực và giao

nhận tiền. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, anh H gọi điện thoại báo cho P và A biết việc chuẩn bị giao tiền cho chị L tại quán cà phê cạnh Văn phòng công chứng Chơn Thành, địa chỉ tổ 9, khu phố Trung Lợi, thị trấn Chơn Thành, huyện Chơn Thành nên A, P, Ng và những người đi cùng lên xe ô tô đến quán cà phê. Tại đây, A và Ng cùng nói chuyện với vợ chồng chị L về số tiền nợ. Trong lúc nói chuyện, anh Kh bế con nhỏ là cháu Nguyễn Bảo N1, sinh năm 2019 đi khỏi quán, rồi điều khiển xe mô tô đến nhà người quen tại xã Minh Thành, huyện Chơn Thành để gửi cháu N1. Do không thấy anh Kh nên chị L rời khỏi quán, rồi đi bộ đến trước Công văn phòng công chứng, vừa đi vừa gọi điện thoại tìm anh Kh. Vì nghĩ rằng anh Kh bỏ đi để trốn tránh việc thanh toán tiền nợ nên A, P, Ng, Tr, Q, N và H đi bộ theo chị L. Tại công Văn phòng công chứng, A và chị L xảy ra cự cãi. Sau đó, A dùng tay tát một cái vào mặt chị L, rồi nói với những người đi cùng rằng, giữ điện thoại di động của chị L, không cho chị L gọi và đưa chị L lên xe chở về phường Mỹ Phước. Nghe A nói vậy, K vẫy tay ra hiệu gọi anh H1 điều khiển xe ô tô Fortuner đến dừng trước công Văn phòng công chứng. Cùng lúc đó, Tr dùng tay phải lòn qua tay trái của chị L để không chế, đẩy chị L đến xe ô tô Fortuner. Do chị L chống cự nên Tr tiếp tục dùng hai tay nắm, kéo tay trái của chị L. Trong lúc Tr nắm tay kéo chị L, Q lấy điện thoại di động nhãn hiệu Oppo trong túi quần của chị L, rồi đưa cho N giữ. K mở cửa xe để Tr áp giải chị L ngồi vào hàng ghế giữa, rồi đóng hờ cửa. Thấy cửa xe bên trái đóng chưa kín nên H dùng tay đóng kín cửa, rồi lên xe ngồi ở ghế phụ (ghế ngang với tài xế). Lúc này, anh H1 điều khiển xe ô tô Fortuner, chị L ngồi tại vị trí sau lưng H1, P và A ngồi bên tay phải chị L (P ngồi giữa). N đưa ĐTDD nhãn hiệu Oppo của chị L cho P, rồi cùng Nhật ngồi tại hàng ghế sau cùng của xe. Nguyễn và những người còn lại ngồi trên xe ô tô Inova do anh K1 điều khiển. Cả hai xe ô tô nói trên đi hướng tỉnh Bình Dương. A dự tính đưa chị L đến phòng trọ của Ng để cùng chị L tính toán các khoản tiền nợ. Vì chưa hoàn tất xong thủ tục chứng thực tại Văn phòng công chứng Chơn Thành nên anh H chưa giao tiền cho vợ chồng chị L. Khi ngồi trên xe, P trả ĐTDD nhãn hiệu Oppo lại cho chị L. A nói chị L gọi điện thoại cho anh Kh, đồng thời H cũng gọi điện thoại cho anh Kh, cùng nói anh Kh trở lại Văn phòng công chứng Chơn Thành để hoàn tất thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho anh H, mục đích để anh H giao tiền cho vợ chồng chị L. Từ đó, chị L mới có tiền trả các khoản tiền nợ cho A và Ng. Qua điện thoại, anh Kh nói sẽ trở lại VPCC nên Ng nói anh Kiệt lái xe đến đậu gần VPCC, A và P cũng đưa chị L đến dừng gần VPCC cùng chờ anh Kh. Trong lúc chờ, N, Nh và H xuống khỏi xe ô tô Fortuner. A và P để chị L ngồi ở hàng ghế giữa và ngồi hai bên để giữ chị L. Đợi khoảng 15 Pt, kHg thấy anh Kh đến, Ng lên xe ô tô Fortuner (ngồi ở ghế phụ, thay H) cùng P và A đưa chị L đến quán cà phê “Cây Xanh” do ông Huỳnh Văn B tại Ấp Hiếu Cảm, thị trấn Chơn Thành, huyện Chơn Thành làm chủ, tiếp tục chờ anh Kh. Khi vào quán, chị L ngồi tại vũng. A cùng P và Nguyễn ngồi ghế xung quanh, cách chị L khoảng 01 đến 02 m để giữ chị L, không cho chị L rời khỏi quán. Những người còn lại đợi anh Kh tại Văn phòng công chứng, sau đó lên xe ô tô Inova cùng đến quán cà phê “Cây Xanh” nơi P, A và Ng đang giữ chị L. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, nhận được tố giác của anh Kh, Công an huyện Chơn Thành tổ chức lực lượng đến bắt quả tang. (Bút lục số 129-130; 137-139; 152-154; 178-179)

Việc thu giữ đồ vật tài liệu và xử lý vật chứng: Tạm giữ 01 ĐTDĐ nhãn hiệu VIVO, màu đen, số IMEI: 863481047957798 của Tạ Văn P; 01 ĐTDĐ nhãn hiệu VIVO, màu đỏ của Châu Quốc Q; ĐTDĐ nhãn hiệu OPPO, màu bạc, số IMEI: 864267040308355 của Lê Văn N; 01 ĐTDĐ nhãn hiệu VIVO, màu đỏ, số IMEI: 868490036348419 của Trần Thị Cà A. Tạm giữ 01 gậy ba khúc màu đen, dài 23 cm, hình tròn, có ghi chữ JSV của Tạ Văn P.

Đối với ĐTDĐ nhãn hiệu VS MART, màu trắng, số IMEI:351726112511287100 và ĐTDĐ nhãn hiệu NOKIA - 1280, màu xám tạm giữ của Huỳnh Chí H; xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA – INNOVA 2.0E, màu bạc, biển số 61A – 887.66, số máy: 1TRA648887, số khung: RLAJW3EM8K3367411 tạm giữ của anh Nguyễn Thế K1; 01 xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA – FORTUNER, màu bạc, biển số 61A – 845.89 của anh Nguyễn Khánh Hoàn. Số vật chứng trên là tài sản hợp pháp, không liên quan đến vụ án. Cơ quan điều tra đã xử lý vật chứng trả lại cho chủ sở hữu.

Bản cáo trạng số 72/Ctr-VKS ngày 22/6/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước truy tố các bị cáo Trần Thị Cà A, Tạ Văn P, Huỳnh Chí Ng, Trần Minh Tr, Châu Quốc Q, Lê Văn N, Trần Bằng K về tội “ Bắt giữ người trái pháp luật” theo khoản 1 Điều 157 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo về tội “ Bắt, giữ người trái pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, 38, 50, 58, 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo: Trần Thị Cà A mức án từ 08 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 16 tháng đến 24 tháng; áp dụng thêm Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt các bị cáo Tạ Văn P, Huỳnh Chí Ng, Trần Minh Tr, Châu Quốc Q, Lê Văn N, Trần Bằng K mức án bằng với thời gian các bị cáo bị tạm giữ, tạm giam.

Ý kiến của các bị cáo: đồng ý về tội danh, điều luật mà đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa đề nghị áp dụng với bị cáo.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Bị cáo nhận thức hành vi của mình sai trái và rất hối hận. Bị cáo kính mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Người bị hại và người làm chứng xin vắng mặt. Xét thấy, việc vắng mặt của bị hại và người làm chứng không làm trở ngại cho việc xét xử vụ án nên căn cứ vào Điều 292, 293 Bộ luật tố tụng Hình sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tại phiên tòa của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, phù hợp với lời khai của người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ nên Hội đồng xét xử có cơ sở kết luận:

Sau khi biết được ngày 14/4/2021 anh H và vợ chồng L, Kh sẽ làm thủ tục chuyển nhượng đất tại Văn phòng Công chứng Chơn Thành. Trần Thị Cà A và Tạ Văn P, Huỳnh Chí Ng, Trần Minh Tr, Châu Quốc Q, Lê Văn N, Trần Bằng K cùng Nguyễn Khánh H1, Nguyễn Thế K1, Huỳnh Chí H, Lò Xuân T, Trần Nhớ H, Nguyễn Văn Nh đến thị trấn Chơn Thành, huyện Chơn Thành. Trong lúc A và Ng đang nói chuyện với chị L về số tiền nợ thì anh Kh bế con đi đến nhà người quen, thấy chị L đi ra ngoài; Do nghĩ chị L và anh Kh bỏ đi để trốn tránh việc thanh toán tiền nợ nên A, P, Ng, Tr, Q, N và H đi theo chị L và giữa A và chị L đã xảy ra cự cãi, A dùng tay tát vào mặt chị L rồi nói với những người đi cùng giữ điện thoại di động của L và bắt L lên xe chở về phường Mỹ Phước. Khi nghe A nói vậy thì Tạ Văn P, Huỳnh Chí Ng, Trần Minh Tr, Châu Quốc Q, Lê Văn N, Trần Bằng K đã cùng nhau khống chế, bắt giữ chị Bùi Thị L đưa lên xe ô tô và dự tính chở chị L về khu vực phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương nhưng trên đường đi thì chị L và anh H điện thoại cho anh Kh và được anh Kh nói sẽ quay lại Văn phòng công chứng để hoàn tất thủ tục công chứng và trả tiền cho A và Ng thì Nguyễn nói anh Kiệt lái xe đến gần VPCC đợi anh Kh, A và P cũng đưa chị L đến dừng gần VPCC cùng chờ anh Kh. không thấy Kh đến, Ng lên xe ô tô cùng P, A đưa chị L đến quán cà phê “ Cây Xanh” tại ấp Hiếu Cẩm, thị trấn Chơn Thành, huyện Chơn Thành tiếp tục chờ anh Kh, những người còn lại sau đó cũng đến quán cà phê “ Cây Xanh” nơi A và P, Ng đang giữ L. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày thì Công an huyện Chơn Thành nhận được tin tố giác của anh Kh nên đã tổ chức lực lượng bắt quả tang.

Hành vi khống chế bắt giữ chị Bùi Thị L đưa lên xe ô tô chở đi và giữ bị L trong một khoảng thời gian do Trần Thị Cà A, Tạ Văn P, Huỳnh Chí Ng, Trần Minh Tr, Châu Quốc Q, Lê Văn N và Trần Bằng K thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “ Bắt, giữ người trái pháp luật”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật hình sự.

*Điều 157. Tội bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật*

*1. Người nào bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật, nếu kHg thuộc trường hợp quy định tại Điều 377 của Bộ luật này, thì bị phạt cải tạo kHg giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.*

*2....*

*3.....*

*4. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm.*

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền tự do thân thể của người khác, gA mất trật tự tại địa phương. Các bị cáo phạm tội với lỗi cố ý. Các bị cáo đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi nên phải chịu trách nhiệm hình sự.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị hại xin bãi nại cho các bị cáo. Do đó, cần cho các bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1,2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Đã là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo nảy sinh ý định thực hiện tội phạm một cách tức thời, khi thấy anh Kh chồng chị L bỏ đi, đồng thời L ra ngoài, bị cáo A mới kêu các bị cáo khác trong vụ án cùng thực hiện tội phạm. Trong vụ án này, bị cáo A là người khởi xướng, rủ các bị cáo tham gia nên phải xử lý bị cáo A mức hình phạt nghiêm khắc hơn các bị cáo khác. Các bị cáo khác trong vụ án cùng tham gia thực hiện, mức độ tham gia kHg chênh lệch nhau đáng kể.

Lẽ ra với vai trò của mình, phải cách li bị cáo A ra khỏi xã hội một thời gian, tuy nhiên xét hoàn cảnh điều kiện dẫn đến hành vi phạm tội của bị cáo, cũng xuất phát từ lý do người bị hại nợ tiền hui của bị cáo A rồi bỏ đi khỏi địa phương, vì quyền lợi bị vi phạm mà nhất thời phạm tội, trong lúc bắt giữ người không có hành vi xúc phạm đến danh dự, sức khỏe của người bị hại, thời gian bị cáo bị tạm giam hơn 02 tháng cũng đủ để bị cáo nhận thức được sai phạm của mình, bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ, đang nuôi con nhỏ, nên không cần thiết phải cách li ra khỏi xã hội, nhằm thể hiện tính nhân đạo của pháp luật.

Các bị cáo Tạ Văn P, Huỳnh Chí Ng, Trần Minh Tr, Châu Quốc Q, Lê Văn N và Trần Bằng K được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ hư trên đã đề cập, kHg cần thiết cách li các bị cáo ra khỏi xã hội, các bị cáo đều có đủ điều kiện để áp dụng mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt, bằng thời gian các bị cáo đã bị tạm giam, cũng đủ để cải tạo giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử kHg xem xét giải quyết.

[5] Về xử lý vật chứng vụ án: 01 ĐTDĐ nhãn hiệu VIVO, màu đen, số IMEI: 863481047957798 của Tạ Văn P; 01 ĐTDĐ nhãn hiệu VIVO, màu đỏ của Châu Quốc Q; ĐTDĐ nhãn hiệu OPPO, màu bạc, số IMEI: 864267040308355 của Lê Văn N; 01 ĐTDĐ nhãn hiệu VIVO, màu đỏ, số IMEI: 868490036348419 của Trần Thị Cà A. Các vật chứng trên là tài sản hợp pháp, không sử dụng vào mục đích phạm tội nên cần trả lại cho các bị cáo.

Tạm giữ 01 gậy ba khúc màu đen, dài 23 cm, hình tròn, có ghi chữ JSV của Tạ Văn P kHg còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với ĐTDĐ nhãn hiệu VS MART, màu trắng, số IMEI: 351726112511287100 và ĐTDĐ nhãn hiệu NOKIA - 1280, màu xám tạm giữ của Huỳnh Chí H; xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA – INNOVA 2.0E, màu bạc, biển số 61A – 887.66, số máy: 1TRA648887, số khung: RLAJW3EM8K3367411 tạm giữ của anh Nguyễn Thế Kiệt; 01 xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA – FORTUNER, màu bạc, biển số 61A – 845.89 của anh Nguyễn Khánh Hoàn.

Số vật chứng trên là tài sản hợp pháp, không liên quan đến vụ án. Cơ quan điều tra đã xử lý vật chứng trả lại cho chủ sở hữu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Đối với Nguyễn Khánh H1, Nguyễn Thế K1 là người điều khiển xe ô tô Fortuner và xe ô tô Inova. Khi nhận hợp đồng thuê xe, K1 và H1 đều không biết việc bị cáo A, P, Ng đến huyện Chơn Thành để đòi tiền nợ. Còn việc bắt giữ người là hành vi phát sinh sau khi gặp chị L, các bị cáo kHg bàn bạc, trao đổi gì với nhau từ trước về việc bắt giữ chị L. Do vậy, không đủ cơ sở xử lý đối với Nguyễn Khánh H1 và Nguyễn Thế K1.

Đối với Lò Xuân T, Trần Nhớ H và Nguyễn Văn Nh là những người tham gia đi cùng với bị cáo Trần Thị Cà A, Huỳnh Chí Ng đến Văn phòng công chứng Chơn Thành gặp chị Bùi Thị L, mục đích để hỗ trợ A và Ng can ngăn, giải quyết nếu xảy ra xô xát, đánh nhau. T, H và Nh không tham gia bắt giữ chị L và không bàn bạc gì với các bị cáo từ trước về việc bắt giữ người. Do vậy, không đủ cơ sở xử lý đối với Lò Xuân T, Trần Nhớ H và Nguyễn Văn Nh.

Đối với Huỳnh Chí H đi cùng xe với A, P và L, khi H thấy cửa xe ô tô đóng chưa kín nên dùng tay đóng lại cửa, mục đích đảm bảo an toàn cho những người ngồi trong xe khi xe lưu thông trên đường. Sau đó, H lên xe ô tô ngồi tại vị trí ghế ngang với tài xế. H không tham gia bắt giữ đối với chị L. Do vậy, không đủ cơ sở xử lý.

[7] Án phí hình sự sơ thẩm các bị cáo phải chịu theo luật định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 157, điểm i,s khoản 1,2 Điều 51, các điều 17,38,50,58 Bộ luật hình sự.

1. Tuyên bố các bị cáo Trần Thị Cà A, Tạ Văn P, Huỳnh Chí Ng, Trần Minh Tr, Châu Quốc Q, Lê Văn N và Trần Bằng K phạm tội “ Bắt, giữ người trái pháp luật ”.

2.Về hình phạt:

2.1. Căn cứ thêm Điều 65 BLHS: Xử phạt bị cáo Trần Thị Cà A 09 (Chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01(Một) năm 06 (Sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Trần Thị Cà A cho Ủy ban nhân dân phường Thới Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương quản lý, giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

*Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.*

2.2. Căn cứ thêm Điều 54 BLHS:



Xử phạt bị cáo Tạ Văn P 04 (Bốn) tháng 27 (Hai mươi bảy) ngày tù  
Xử phạt bị cáo Huỳnh Chí Ng 04 (Bốn) tháng 27 (Hai mươi bảy) ngày tù  
Xử phạt bị cáo Trần Minh Tr 04 (Bốn) tháng 27 (Hai mươi bảy) ngày tù  
Xử phạt bị cáo Châu Quốc Q 04 (Bốn) tháng 27 (Hai mươi bảy) ngày tù  
Xử phạt bị cáo Lê Văn N 04 (Bốn) tháng 27 (Hai mươi bảy) ngày tù  
Xử phạt bị cáo Trần Bằng K 03 (ba) tháng 19 (mười chín) ngày tù.

3. Căn cứ Điều 328 Của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Trả tự do cho các bị cáo Tạ Văn P, Huỳnh Chí Ng, Trần Minh Tr, Châu Quốc Q, Lê Văn N và Trần Bằng K nếu các bị cáo kHg bị tạm giam về một tội phạm khác.

4. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự

Trả lại cho Tạ Văn P 01 ĐTDĐ nhãn hiệu VIVO, màu đen, số IMEI: 863481047957798; trả cho Châu Quốc Q 01 ĐTDĐ nhãn hiệu VIVO, màu đỏ; trả cho Lê Văn N ĐTDĐ nhãn hiệu OPPO, màu bạc, số IMEI: 864267040308355; trả cho Trần Thị Cà A 01 ĐTDĐ nhãn hiệu VIVO, màu đỏ, số IMEI: 868490036348419.

Tịch thu tiêu hủy 01 gậy ba khúc màu đen, dài 23 cm, hình tròn, có ghi chữ JSV của Tạ Văn P.

5. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Phước
- VKSND tỉnh Bình Phước
- VKSND huyện Chơn Thành;
- CCTHADS huyện Chơn Thành;
- CA huyện Chơn Thành;
- UBND nơi cư trú của bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Đình Loan**